

Số: 115/GP-UBND

Sơn La, ngày 15 tháng 01 năm 2019

SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T. SƠN LA

Số: 989
ĐẾN Ngày: 22/01/2019
Chuyển: P. TNN

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (theo Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 28/11/2018 của Bộ Tài nguyên và môi trường);

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc giám sát, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; QCVN 02:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt ngày 13/12/2018 của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 21/Tr-STNMT ngày 10/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (địa chỉ: Tổ 3, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) khai thác, sử dụng nước mặt với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Công trình cấp nước sinh hoạt liên bản xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu

2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cấp nước phục vụ sinh hoạt cho người dân 07 tiểu khu (TK2, 3, 4, 5, 6, 7, 30-4) thuộc xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu.

3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Suối Nậm Rên (thuộc bản Hin Pén, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu) là phụ lưu cấp 1 của suối Dền.

4. Vị trí công trình khai thác: Tại bản Hin Pén, xã Chiềng Sơn. Tọa độ theo VN 2000 (kinh tuyến trực 104^0 , múi chiếu 3^0):

- Đập đầu mối 01: X = 2293545, Y = 558526;

- Đập đầu mối 02: X = 2293109, Y = 558556.

5. Chế độ khai thác: 24 h/ngày đêm, 365 ngày/năm.

6. Lượng nước khai thác, sử dụng: 530 m³/ngày đêm. Trong đó:

- Đập đầu mối 01: 330 m³/ngày đêm;

- Đập đầu mối 02: 200 m³/ngày đêm.

7. Phương thức khai thác, sử dụng:

- Các hạng mục khai thác, xử lý nước gồm:

+ Đầu mối lấy nước số 1: Xây mới;

+ Đập đầu mối số 2: Cải tạo, sửa chữa;

+ Bể lắng đứng kết hợp lắng lamel;

+ Hệ thống lọc áp lực: 02 thiết bị lọc áp lực;

+ Bể chứa nước sạch: Dung tích 100 m³;

+ Hệ thống đường ống cấp nước.

- Quy trình vận hành, xử lý nước: Nước từ suối Nậm Rên qua 02 đầu mối tự chảy về trạm xử lý gồm 02 bể lắng, sau đó dẫn sang 02 bể lọc, sau khi lọc nước được khử trùng bằng dung dịch Javel và chảy về bể chứa nước sạch, từ đó tự chảy vào hệ thống đường ống cấp nước.

8. Thời hạn khai thác: 07 năm (bảy năm) tính từ ngày giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép; nếu thay đổi nội dung quy định tại Giấy phép này phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện việc quan trắc lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định tại Điều 28 Luật Tài nguyên nước năm 2012. Cụ thể:

- Lưu lượng khai thác: Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng khai thác tại vị trí sau bể chứa, trước khi cấp vào hệ thống đường ống.

- Quan trắc chất lượng nước:

+ 02 điểm tại 02 vị trí khai thác để đánh giá chất lượng nguồn nước; số thông số quan trắc, giới hạn cho phép tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₂. Tần suất: 06 tháng/lần.

+ 01 điểm sau hệ thống xử lý nước; số thông số quan trắc, giới hạn cho phép tại QCVN 02:2009/BYT cột I. Cụ thể: Chỉ tiêu mức độ A: 3 tháng/1 lần; Chỉ tiêu mức độ B: 6 tháng/1 lần.

3. Tuân thủ phương án thiết kế, xử lý nước đảm bảo quy chuẩn hiện hành cho mục đích sử dụng; vận hành hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nước ổn định, an toàn, liên tục và giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Tài nguyên nước.

4. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở khai thác, sử dụng tài nguyên nước quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2, Điều 4, Điều 11 và Điều 16 Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La. Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, trữ lượng và môi trường nước xung quanh, Trung tâm có trách nhiệm báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương để có biện pháp xử lý.

6. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng.

Điều 3. Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1, Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại khoản 2, Điều 43 Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn còn tiếp tục khai thác nước mặt như quy định tại Điều 1 Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. *✓*

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước - Bộ TN&MT;
- Các sở: TN&MT, NN&PTNT;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND huyện Mộc Châu;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- TT nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;
- Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cầm Ngọc Minh